

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 16- 6 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Long.
2. Ông Nguyễn Đình Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Minh S, sinh 1983. Địa chỉ: ấp HM1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Lê Thị Thủy L, sinh 1987. Địa chỉ: ấp HM1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, nguyên đơn Lê Minh S trình bày:

Do quen biết nhau, đến năm 2008 anh Lê Minh S và chị Lê Thị Thủy L cưới nhau theo phong tục tập quán. Anh S và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MA. Ngày 28/8/2008 Anh S và chị L được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01/08. Sau khi cưới nhau anh chị sống tại ấp HM1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được khoảng 10 năm thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh S khởi kiện xin ly hôn với chị L.

Anh chị có hai con chung, gồm: Lê Ngọc H, sinh ngày 14/5/2009 và Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 27/02/2012, hiện do Anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi hai cháu. Anh S không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Chị L đã được bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng chị L không tham dự các phiên họp. Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án, nên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Anh S giữ nguyên yêu cầu nêu trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Anh Lê Minh S khởi kiện xin ly hôn và nuôi con đối với chị Lê Thị Thuỳ L. Chị L có nơi cư trú tại ấp HM1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện MT xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Nhưng chị L không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Anh S và chị L là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, Anh S khởi kiện xin ly hôn với chị L. Chị L đã được triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai hợp lệ. Nhưng chị L đều vắng mặt không lý do và không ý kiến phản bác ý kiến yêu cầu của Anh S nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022. Điều này cho thấy, chị L đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của Anh S nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa Anh S và chị L không thể đạt được. Anh S khởi kiện xin ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Con chung:

Anh S xác định có hai con chung, gồm: Lê Ngọc H, sinh ngày 14/5/2009 và Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 27/02/2012, hiện do Anh S trực tiếp

nuôi dưỡng. Anh S yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu B, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh S không yêu cầu, nên không xét.

2.3. Về tài sản chung:

Anh S không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung, nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Anh S nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Minh S:

1. Hôn nhân:

Anh Lê Minh S được ly hôn với chị Lê Thị Thuỳ L

2. Con chung:

Giao anh Lê Minh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 14/5/2009 và Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 27/02/2012.

Chị Lê Thị Thuỳ L có quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc anh Lê Minh S nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Anh S được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT ngày 28/02/2022, lai số 0006970. Anh S không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Lê Minh S, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Lê Thị Thuỳ L vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện MT;
- UBND xã MA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh